

Kỳ Báo cáo I (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)

| TT  | Lĩnh vực giải quyết                              | Số lượng hồ sơ tiếp nhận |            |                              |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |           |          |         | Số hồ sơ đang giải quyết |           |         |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------|-----------|---------|
|     |                                                  | Tổng số                  | Trong kỳ   |                              | Từ Kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số                  | Trong hạn | Quá hạn |
|     |                                                  |                          | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính |             |                              |           |          |         |                          |           |         |
| (1) | (2)                                              | (3)                      | (4)        | (5)                          | (6)         | (7)                          | (8)       | (9)      | (10)    | (11)                     | (12)      |         |
| 1   | Lĩnh vực văn hóa                                 | -                        |            | -                            |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 2   | Lĩnh vực thể thao                                | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 3   | Lĩnh vực thể dục, thể thao                       | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 4   | Lĩnh vực quản lý giá - công sản                  | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 5   | Lĩnh vực bảo vệ thực vật                         | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 6   | Lĩnh vực kiểm lâm, lâm nghiệp                    | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 7   | Lĩnh vực đầu tư, xây dựng, nhà ở                 | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 8   | Lĩnh vực đường thủy nội địa                      | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 9   | Lĩnh vực đường bộ                                | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 10  | Lĩnh vực bảo trợ xã hội                          | 11                       |            | 11                           | -           | 11                           |           | 11       | -       | -                        |           |         |
| 11  | Lĩnh vực người có công                           | 1                        |            | 1                            | -           | 1                            |           | 1        | -       | -                        |           |         |
| 12  | Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội               | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 13  | Lĩnh vực GD&ĐT thuộc hệ thống GDQD               | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 14  | Lĩnh vực đất đai                                 | 1                        |            | 1                            | -           | 1                            |           | 1        | -       |                          |           |         |
| 15  | Lĩnh vực môi trường                              | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 16  | Lĩnh vực hỏa giải                                | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 17  | Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật             | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 18  | Lĩnh vực hộ tịch                                 | 106                      |            | 106                          | -           | 106                          |           | 106      | -       |                          |           |         |
| 19  | Lĩnh vực chứng thực                              | 239                      |            | 239                          | -           | 239                          |           | 239      | -       |                          |           |         |
| 20  | Lĩnh vực nuôi cọt nuôi                           | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 21  | Lĩnh vực bồi thường nhà nước                     | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 22  | Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo                       | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 23  | Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 24  | Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng                 | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 25  | Lĩnh vực giải quyết khiếu nại tố cáo             | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 26  | Lĩnh vực thi đua, khen thưởng                    | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 27  | Lĩnh vực xây dựng                                | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 28  | Lĩnh vực tôn giáo                                | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
| 29  | Lĩnh vực khác                                    | -                        |            |                              |             | -                            |           |          | -       |                          |           |         |
|     | Tổng cộng                                        | 358                      | -          | 358                          | -           | 358                          | 346       | 12       | -       | -                        | -         |         |

NGƯỜI TỔNG HỢP

*(Chữ ký)*

Lê Thị Thanh Tân



Nguyễn Đức Mạnh